TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày 09-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Công Du

Ông Vũ Văn Thôn

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tuấn Anh là Thư ký Tòa án nhân huyện A, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham dự phiên tòa*:** Bà Trương Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 01/2018/TLST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 529/2018/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng C; địa chỉ trụ sở: Số x, phố L, phường H, quận H, thành Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn V, Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện A, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền số 4716/2017/QĐ–NHCS ngày 25 tháng 11 năm 2016), có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966, ông Nguyễn Văn T', sinh năm 1961, đều trú tại: Thôn K, xã T, huyện A, Hải Phòng. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2017, và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện A, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng C, ông Phạm Văn V trình bày:

Ngày 12 tháng 10 năm 2010, Phòng giao dịch ngân hàng C huyện A, thành phố Hải Phòng cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T' vay số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng), theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, mục đích vay để xây nhà vệ sinh và lắp máy nước, thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày 12 tháng 10 năm 2010, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12 tháng 10 năm 2015; lãi suất thỏa thuận 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 1,170%/tháng. Đến thời hạn trả nợ (ngày 12 tháng 10 năm 2015), phía ngân hàng đã đôn đốc yêu cầu vợ chồng bà T, ông T' trả nợ, nhưng vợ chồng bà T, ông T' không thực hiện việc trả nợ theo yêu cầu của ngân hàng. Ngân hàng đã gia hạn trả nợ cho vợ chồng bà T 01 (một) năm, hạn trả nợ cuối là ngày 12 tháng 10 năm 2016, nhưng bà T, ông T' vẫn không trả nợ đúng hạn, tính đến ngày xét xử vợ chồng T', bà T còn nợ ngân hàng khoản tiền nợ gốc là 8.000.000đ (tám triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 1.304.087đ (một triệu ba trăm linh bốn nghìn không trăm tám mươi bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 411.950đ (bốn triệu một trăm mười một nghìn chín trăm năm mươi đồng), tổng khoản nợ là 9.786.080đ (chín triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn không trăm tám mươi đồng), phía ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T' phải trả cho ngân hàng khoản tiền này.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T' đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của ngân hàng, nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là Ngân hàng C có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T' là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã cơ bản thực hiện đúng các quvền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T' không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, không có lý do, là đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của các Điều 70, 72 cùa Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T' phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 8.000.000đ (tám triệu đồng); khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, ngày 12 tháng 10 năm 2010,tính

đến ngày 09 tháng 5 năm 2018, là 1.786.080đ (một triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn không trăm tám mươi đồng), trong đó lãi trong hạn là 1.374.130đ (một triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm ba mươi đồng), lãi quá hạn là 411.950đ (bốn trăm mười một nghìn chín trăm năm mươi đồng). Tổng số tiền bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Tính phải thanh toán trả ngân hàng là 9.786.080đ (chín triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn không trăm tám mươi đồng); về án phí buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T' phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn T', bà Nguyễn Thị T: Ông Nguyễn Văn T', bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T', bà Nguyễn Thị T.

- Về yêu cầu của Ngân hàng C:

[3] Trên cơ sở lời khai của các đương sự và chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng:

Việc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T' ngày 12 tháng 10 năm 2010, thỏa thuận vay Ngân hàng C với số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 1,170%/tháng, hợp đồng tín dụng có chữ ký của bị đơn ông Nguyễn Văn T', bà Nguyễn Thị T. Nên có nghĩa vụ ràng buộc trách nhiệm đối với các bên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, đối với nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện nội dung "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*". Theo thỏa thuận trong giấy đề nghị vay tiền và biên bản gia hạn trả nợ của Ngân hàng và bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T', ngày 12 tháng 10 năm 2016, bà T, ông T' phải trả tiền gốc và lãi phát sinh cho phía Ngân hàng, nhưng phía bà T, ông T' đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ như thỏa thuận. Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà T, ông T' trả nợ, nhưng không được thực hiện. Việc để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi

của vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T'. Vì vậy yêu cầu trả nợ của Ngân hàng C đối với bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T' với số tiền gốc 8.000.000đ (tám triệu đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về lãi suất căn cứ quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng có nội dung: *"1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Nên yêu cầu về thanh toán khoản lãi suất chậm trả, lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, ngày 12 tháng 10 năm 2010, giữa ngân hàng và và vợ chồng bà T, ông T' và lãi suất này tính đến ngày 09 tháng 5 năm 2018, lãi trong hạn là 1.304.087đ (một triệu ba trăm linh bốn nghìn không trăm tám mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 411.950đ (bốn trăm mười một nghìn chín trăm năm mươi đồng) được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 281, các điều 290, 336, 338, 343, 344, 355 471, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T' phải liên đới có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 8.000.000đ (tám triệu

đồng); khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 09 tháng 5 năm 2018, là 1.786.080đ (một triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn không trăm tám mươi đồng), trong đó lãi trong hạn là 1.374.130đ (một triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm ba mươi đồng), lãi quá hạn là 411.950đ (bốn trăm mười một nghìn chín trăm năm mươi đồng). Tổng số tiền vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T' phải thanh toán trả ngân hàng là 9.786.080đ (chín triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn không trăm tám mươi đồng).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T' phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 489.304đ (bốn trăm tám mươi chín nghìn ba trăm linh bốn đồng).

Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T' có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành bản án sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự được sử đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận :
- TAND TP Hải Phòng;
- VKS ND TP Hải Phòng;
- VKS ND huyện A;
- THA (DS);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt